

MARKET LENS

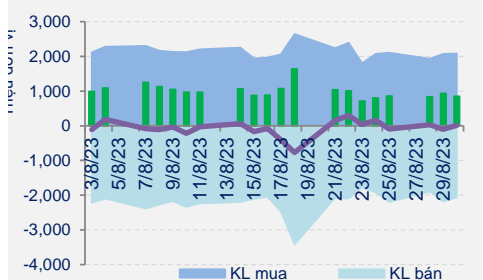
Phiên giao dịch ngày: 30/8/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

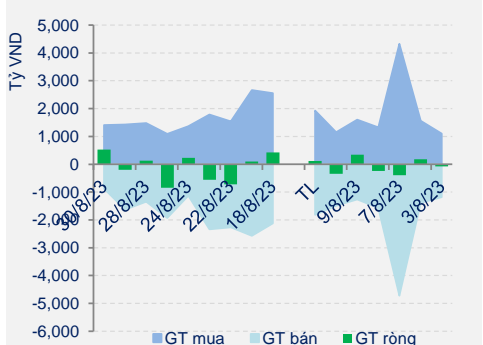
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,213.16	247.96
% Thay đổi	↑ 0.72%	↑ 0.60%
KLGD (CP)	846,700,720	101,008,800
GTGD (tỷ đồng)	20,834.70	2,003.44
Tổng cung (CP)	2,065,919,333	157,752,600
Tổng cầu (CP)	2,080,605,801	142,506,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	26,719,330	414,742
KL mua (CP)	38,490,680	1,136,200
GT mua (tỷ đồng)	1,404.71	37.93
GT bán (tỷ đồng)	878.81	10.75
GT ròng (tỷ đồng)	525.89	27.18

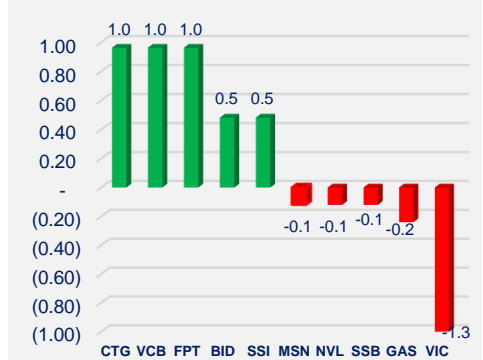
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp xu hướng hồi phục và tâm lý tích cực trở lại khi VN-INDEX vượt lên vùng tâm lý 1.200 điểm, VN-INDEX tiếp tục tăng điểm từ đầu phiên lên vùng giá quanh 1.210 điểm sau đó chịu áp lực điều chỉnh kiểm tra lại vùng tâm lý quanh 1.200 điểm và tăng trở lại với thanh khoản cải thiện hơn. Kết phiên VN-INDEX duy trì tích cực khi tăng 8,73 điểm (+0,72%) lên mức 1.213,16 điểm, vượt lên giá cao nhất năm 2018. HNX-INDEX tăng 1,48 điểm (+0,60%) lên 247,96 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết tích cực khi tổng cộng có 410 mã tăng giá (13 mã tăng trần), 251 mã giảm giá (04 mã giảm sàn) và 133 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 22.826,71 tỉ đồng, giảm 5,81% so với những phiên trước, nhưng duy trì trên mức mức trung bình cho thấy thị trường dòng tiền vẫn đang cải thiện trở lại khi VN-INDEX lại vượt lên vùng giá tâm lý 1.200 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài trở lại mua ròng trên HOSE với giá trị 524,85 tỉ đồng, trong đó tập trung nhiều ở nhóm khu công nghiệp, cảng biển, dịch vụ tài chính, chứng khoán; mua ròng trên HNX với giá trị 27,18 tỷ đồng.

Theo Tổng cục thống kê, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2023 ước đạt 60,92 tỷ USD, tăng 6,7% so với tháng trước và giảm 7,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2023, tổng kim ngạch XNK hàng hóa ước đạt 435,23 tỷ USD, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm trước; Bộ Công Thương vừa hoàn thiện dự thảo mới nhất Thông tư Quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió để lấy ý kiến. Theo đó, thông tư quy định về trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành khung giá phát điện hàng năm cho nhà máy điện mặt trời mặt đất, nhà máy điện mặt trời nổi, nhà máy điện gió trong đất liền, nhà máy điện gió trên biển, nhà máy điện gió ngoài khơi.

Với tâm lý và thanh khoản cải thiện trở lại, các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán tiếp tục có diễn biến tích cực, nổi bật trên thị trường, nhiều mã tiếp tục vượt vùng giá đỉnh cũ, tăng hết biên độ với thanh khoản gia tăng mạnh như VFS (+9,89%), BSI (+6,99%), FTS (+6,94%), HCM (+6,86%), CTS (+6,83%)....

Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp, cao su đa số cũng duy trì diễn biến tích cực, thanh khoản cải thiện tốt như DTD (+6,81%), DPR (+3,97%), PHR (+1,82%)..., các cổ phiếu cảng biển cũng phục hồi mạnh, nhiều mã tích cực hướng đến vùng giá đỉnh cũ đầu tháng 08 như GMD (+3,89%), VSC (3,29%)...

Các cổ phiếu ngân hàng giao dịch tích cực trở lại với thanh khoản cải thiện mạnh vượt mức trung bình, trở lại dẫn dắt thị trường, VN-INDEX vượt vùng giá cao nhất năm 2018 như TPB (+2,93%), CTG (+2,72%), STB (+2,36%), ACB (+1,81%).... Trong khi đó các cổ phiếu bất động sản phân hóa hơn, không nhiều cổ phiếu nổi bật với DIG (+2,89%), HDC (+2,84%), NBB (+2,59%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như LDG (-20,4%), L14 (-1,60%), TDH (-1,54%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 tăng 12,4 điểm (+1,02%), chênh lệch thu hẹp âm -1,36 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng 12,32% so với phiên trước, trên mức trung bình, khối lượng mở OI giảm khá mạnh, cho thấy tâm lý ngắn hạn cải thiện lạc quan và gia tăng các vị thế mua trong phiên. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -2,56 điểm đến -14,56 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn nới rộng. Cho thấy các trader lạc quan hơn đối với xu hướng của VN30. Gia tăng các vị thế mua ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro các kỳ hạn lớn ở thị trường phái sinh

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường tiếp tục xu hướng hồi phục tốt sau điều chỉnh như dự báo, chốt phiên VN-Index tăng +8,73 điểm (+0,72%) và đóng cửa ở 1.213,16 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường đang trong nhịp hồi phục và có thể hướng tới vùng đỉnh cũ quanh 1.250 điểm trước khi đi tạo nền tích lũy mới.

Xu hướng trung hạn của chỉ số vẫn duy trì ở mức tích cực khi VN-Index trong nhịp điều chỉnh mạnh vừa qua không đánh mất ngưỡng 1.150 điểm, vì thế thị trường hoàn toàn có thể tích lũy lại và tạo nhịp tăng ngắn hạn trước khi đi vào vùng tích lũy mới. Nếu nhịp tích lũy sau đó đủ tốt và chặt chẽ thì trong trường hợp tích cực VN-Index vẫn có thể bùng nổ vượt 1.300 điểm. Tuy nhiên hiện tại còn quá sớm để dự báo về kịch bản này, thị trường sẽ hồi phục ngắn hạn và sau đó cần tạo thành khu vực tích lũy trung hạn mới.

Trong ngắn hạn thị trường đang tích cực, tuy nhiên VN-Index sẽ sớm đối diện với ngưỡng cản quanh 1.250 điểm vì thế nhà đầu tư cần tránh mua đuổi giá cao và tiếp tục nắm giữ danh mục đã giải ngân theo chúng tôi đã khuyến nghị trong các phiên trước. Nhà đầu tư trung, dài hạn đã giải ngân theo khuyến nghị từ chân sóng của chúng tôi duy trì danh mục hiện tại và chỉ nên xem xét gia tăng thêm tỷ trọng nếu muốn trong các nhịp điều chỉnh của thị trường.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

30/8/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
CTG	32.10	30-30.8	35-37	28	8.8	0.0%	12.0%	Theo dõi chờ giải ngân
IDC	47.40	43-45	55-57	41	11.9	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	35.60	31-32.5	42-43	29	6.1	-36.3%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	13.50	11.5-13	15.5-16	12	4.3	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	29.80	25-27	30-31	22	6.1	-38.6%	-35.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	50.30	46-48	57-59	43	7.7	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
VIC	62.00	61-64	79-82	56	44.1	252.2%	-45.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	65.5	54.8	65-67	63	19.5%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	33.6	28.05	34-35	32	19.8%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	28.0	29.1	32-33	28	-4.0%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	77.8	72.95	87-89	75	6.6%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	32.1	30.6	35-37	31	4.9%	Nắm giữ
28/8/23	DTD	29.8	26.8	30-31	27	11.2%	Nắm giữ
28/8/23	VIC	62.0	63.1	79-82	56	-1.7%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Thặng dư ngân sách nhà nước 8 tháng dần co hẹp, duy trì trên 40.000 tỷ đồng

Thu ngân sách nhà nước 8 tháng vẫn tiếp đà giảm tốc trong khi chi ngân sách tăng 13% nhằm đảm bảo các nhu cầu phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vượt khó khăn. Thực tế này đang khiến thặng dư ngân sách đang co hẹp dần, đạt 43,3 nghìn tỷ đồng sau 8 tháng... Cụ thể, tổng thu ngân sách nhà nước tháng 8 ước đạt 88,1 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách nhà nước 8 tháng năm 2023 ước đạt 1.124,5 nghìn tỷ đồng, bằng 69,4% dự toán năm và giảm 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

Lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có thể được nghỉ hưu sớm

Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) đã bổ sung quy định chuyển tiếp liên quan tới người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trước khi Luật mới có hiệu lực (dự kiến từ 1/7/2025). Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trước tháng 7/2025 và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội có thể được nghỉ hưu ở tuổi 55 với nữ, 60 với nam, thấp hơn tuổi nghỉ hưu so với quy định hiện hành...

Khánh thành cầu Vĩnh Tuy 2 trị giá hơn 2.500 tỷ đồng, hình thành cây cầu huyết mạch rộng nhất Hà Nội

Trong không khí cả nước chào mừng kỷ niệm 78 năm ngày lễ Quốc khánh 2/9, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính dự lễ khánh thành cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2 ngày 31/8, tại Hà Nội... Dự án cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2 có tổng chiều dài tuyến (bao gồm cầu và đường dẫn) khoảng 3,5 km; mặt cắt ngang cầu trên toàn tuyến rộng 19,25 m. Dự án được khởi công xây dựng vào ngày 9/1/2021 với tổng mức đầu tư hơn 2.500 tỷ đồng. Sau khi hoàn thành giai đoạn 2, cầu Vĩnh Tuy trở thành cây cầu có chiều rộng mặt cắt ngang lớn nhất Hà Nội với 8 làn ô tô (40 m).

Giá điện có thể gánh thêm khoản lỗ của EVN

Giá bán lẻ điện bình quân dự kiến tính thêm chênh lệch tỷ giá, lỗ sản xuất kinh doanh - những khoản vốn chưa được tính vào giá điện. Đây là điểm mới tại dự thảo quyết định sửa đổi Quyết định 24/2017 về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, được Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng. Bản thảo lần này vẫn đưa ra quy định thẩm quyền giảm, tăng giá điện; rút ngắn thời gian điều chỉnh giá từ 6 tháng hiện nay xuống 3 tháng một lần, tức mỗi năm sẽ có 4 đợt thay đổi giá. Giá được cập nhật hàng quý theo chi phí phát điện, các khoản chi phí chưa được tính vào giá điện.



TIN DOANH NGHIỆP

Petrolimex (PLX): Sau soát xét, lợi nhuận hợp nhất tăng hơn 40 tỷ đồng so với báo cáo tự lập

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, mã chứng khoán PLX - sàn HOSE) mới công bố BCTC quý II/2023 đã soát xét với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đều tăng so với báo cáo tự lập. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế tại báo cáo riêng sau hợp nhất tăng hơn 67 tỷ đồng, tương ứng tăng 12% so với tự lập lên hơn 649 tỷ đồng và tại báo cáo hợp nhất tăng 41,67 tỷ đồng, tương ứng tăng 3% so với tự lập lên mức 1.558,57 tỷ đồng.

EVNFinance (EVF): Lợi nhuận 6 tháng sụt giảm nhẹ, nợ phải trả gấp gần 10 lần vốn chủ sở hữu

Công ty Tài chính cổ phần Điện lực (EVNFinance, mã EVF - sàn HOSE), vừa công bố thông tin tình hình tài chính cho thấy, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tính tới ngày 30/6/2023 là 9,7 lần. EVNFinance là tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh chính là Dịch vụ huy động vốn và cho vay (tổ chức tín dụng phi ngân hàng). Theo báo cáo tình hình tài chính nửa đầu năm 2023, tính tới ngày 30/6/2023, Công ty có vốn chủ sở hữu 4.406,1 tỷ đồng, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tập đoàn Đại Dương (OGC) lãi sau thuế tăng 144% sau kiểm toán

CTCP Tập đoàn Đại Dương (mã chứng khoán OGC - sàn HOSE) mới công bố BCTC hợp nhất bán niên đã được soát xét với lợi nhuận sau thuế tăng thêm 26 tỷ đồng, tương ứng 144% sau kiểm toán. Sau soát xét, doanh thu thuần doanh nghiệp không có thay đổi, đạt 281 tỷ đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp tăng tới 144%, từ 18 tỷ đồng vọt lên 44 tỷ đồng.

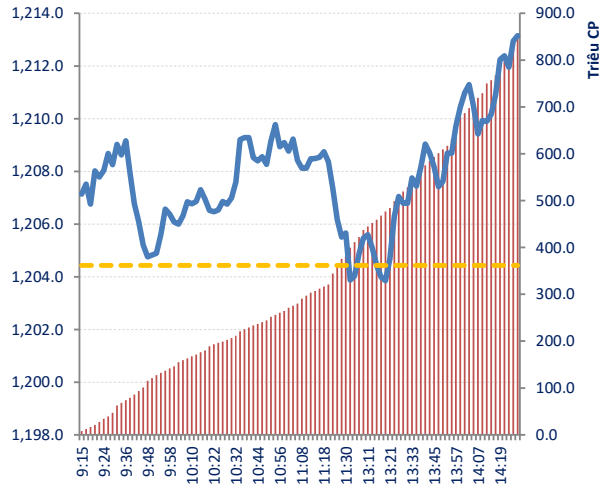
Xây dựng Hòa Bình (HBC): Lợi nhuận giảm 814,75 tỷ đồng sau kiểm toán bán niên năm 2023, nâng tổng lỗ lũy kế vượt vốn điều lệ

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (mã HBC - sàn HoSE) chuyển từ lãi sang lỗ sau kiểm toán bán niên năm 2023, đồng thời bị nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục. Theo đó, Xây dựng Hòa Bình phát sinh khoản lỗ 711,5 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023, nâng lỗ lũy 2.812,8 tỷ đồng. Ngoài ra, Xây dựng Hòa Bình có các khoản nợ vay đã quá hạn, trong đó có một số khoản vay đã được các ngân hàng đồng ý gia hạn. Đối với khoản vay còn lại đã quá hạn hoặc sắp đến hạn, Xây dựng Hòa Bình đang trong quá trình thương thảo với ngân hàng để xin gia hạn các khoản vay này.

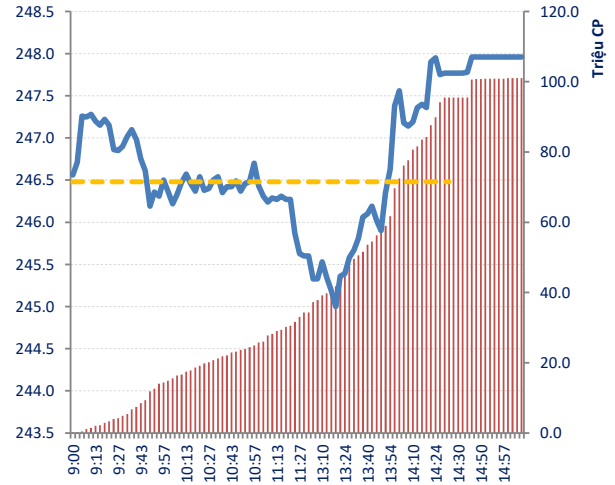


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

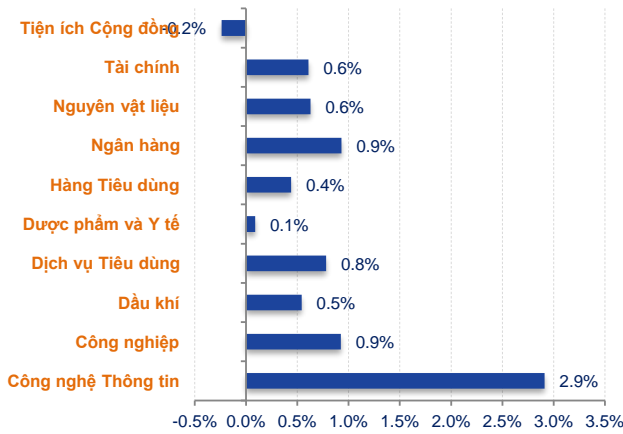
KLGD và VN-Index trong phiên



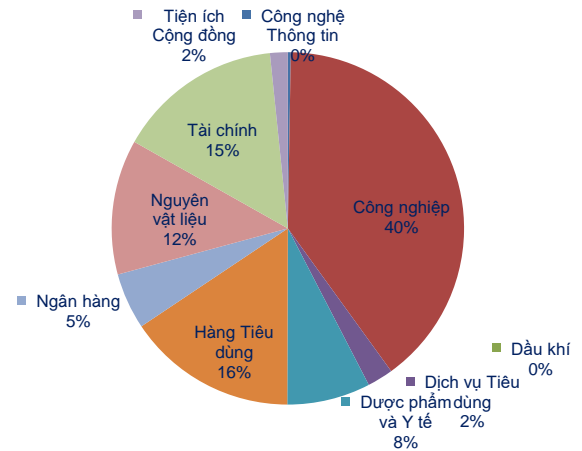
KLGD và HNX-Index trong phiên



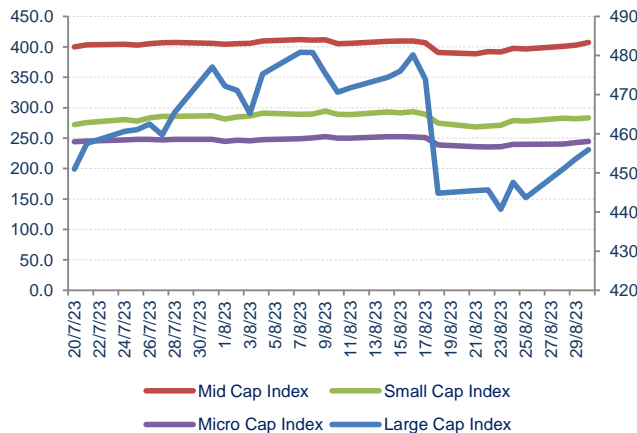
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



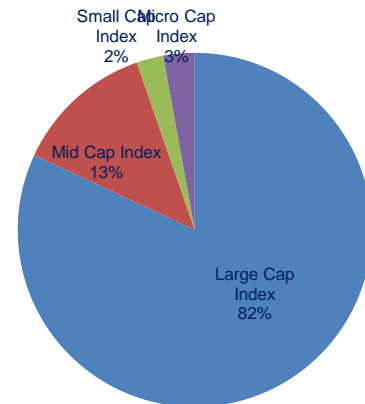
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	2,364,898	VPB	1,028,400	1	IDC	319,000	NVB	100,000
2	VRE	2,039,600	DPM	820,600	2	PVS	246,300	HCC	25,500
3	KBC	1,673,800	SSI	800,081	3	TNG	203,100	THD	22,000
4	DXG	1,556,200	DCM	636,672	4	PSI	22,200	VTV	20,000
5	STB	1,251,900	MSN	497,000	5	MBS	20,900	HUT	3,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	20.35	20.05	↓ -1.47%	67,190,500	SHS	17.70	18.50	↑ 4.52%	22,894,693
VIX	18.75	19.45	↑ 3.73%	38,976,301	CEO	25.60	25.30	↓ -1.17%	15,126,322
VND	22.40	23.50	↑ 4.91%	34,633,800	HUT	25.80	26.30	↑ 1.94%	9,660,476
DIG	27.70	28.50	↑ 2.89%	30,069,600	MBS	19.10	20.10	↑ 5.24%	6,872,831
STB	31.75	32.50	↑ 2.36%	27,367,001	PVS	34.90	34.90	→ 0.00%	4,305,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BSI	32.20	34.45	2.25	↑ 6.99%	SFN	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
VAF	10.80	11.55	0.75	↑ 6.94%	VFS	26.30	28.90	2.60	↑ 9.89%
FTS	33.15	35.45	2.30	↑ 6.94%	VLA	22.40	24.60	2.20	↑ 9.82%
HCM	30.60	32.70	2.10	↑ 6.86%	SGH	23.50	25.80	2.30	↑ 9.79%
CTS	26.35	28.15	1.80	↑ 6.83%	VMS	28.80	31.60	2.80	↑ 9.72%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TPC	5.72	5.32	-0.40	↓ -6.99%	PEN	10.30	9.30	-1.00	↓ -9.71%
PMG	9.99	9.60	-0.39	↓ -3.90%	BED	38.60	34.90	-3.70	↓ -9.59%
YEG	13.10	12.60	-0.50	↓ -3.82%	VC6	11.50	10.40	-1.10	↓ -9.57%
TCR	3.70	3.56	-0.14	↓ -3.78%	ICG	8.90	8.10	-0.80	↓ -8.99%
ASG	22.90	22.10	-0.80	↓ -3.49%	TPP	11.20	10.20	-1.00	↓ -8.93%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	67,190,500	-0.2%	(48)	-	0.9
VIX	38,976,301	7.0%	839	22.4	1.5
VND	34,633,800	3.9%	467	48.0	1.8
DIG	30,069,600	1.2%	152	182.0	2.1
STB	27,367,001	17.2%	3,601	8.8	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	22,894,693	4.3%	507	34.9	1.5
CEO	15,126,322	7.9%	1,023	25.0	2.1
HUT	9,660,476	1.2%	136	190.2	2.3
MBS	6,872,831	10.0%	1,037	18.4	1.8
PVS	4,305,400	7.2%	1,953	17.9	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	↑ 7.0%	5.8%	1,371	23.5	1.4
VAF	↑ 6.9%	8.2%	1,036	10.4	0.9
FTS	↑ 6.9%	7.5%	1,172	28.3	2.1
HCM	↑ 6.9%	7.2%	1,250	24.5	1.8
CTS	↑ 6.8%	5.2%	654	40.3	2.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SFN	↑ 10.0%	11.7%	2,924	5.5	0.6
VFS	↑ 9.9%	7.1%	879	29.9	2.2
VLA	↑ 9.8%	8.7%	1,021	34.0	2.9
SGH	↑ 9.8%	9.0%	1,303	18.0	1.6
VMS	↑ 9.7%	7.8%	1,279	22.5	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2,364,898	15.8%	3,664	8.5	1.3
VRE	2,039,600	10.6%	1,588	18.4	1.9
KBC	1,673,800	17.8%	4,373	7.6	1.3
DXG	1,556,200	-1.4%	(317)	-	0.9
STB	1,251,900	17.2%	3,601	8.8	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	319,000	20.7%	3,969	11.9	2.5
PVS	246,300	7.2%	1,953	17.9	1.3
TNG	203,100	15.5%	2,372	8.1	1.3
PSI	22,200	5.2%	582	15.0	0.8
MBS	20,900	10.0%	1,037	18.4	1.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	494,076	23.0%	5,797	15.2	3.3
VIC	241,804	4.0%	1,405	45.1	1.8
VHM	237,748	29.1%	10,332	5.3	1.4
BID	231,680	19.0%	4,025	11.4	2.0
GAS	191,204	20.3%	6,680	15.0	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,681	7.2%	1,953	17.9	1.3
IDC	15,576	20.7%	3,969	11.9	2.5
SHS	14,393	4.3%	507	34.9	1.5
THD	14,168	2.9%	458	80.3	2.3
CEO	13,044	7.9%	1,023	25.0	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AGM	5.54	-46.1%	(10,046)	-	0.5
QCG	4.87	-0.3%	(51)	-	0.7
EVG	3.84	1.3%	157	40.6	0.5
LDG	3.55	-5.5%	(692)	-	0.4
LGL	3.54	6.1%	792	6.6	0.4

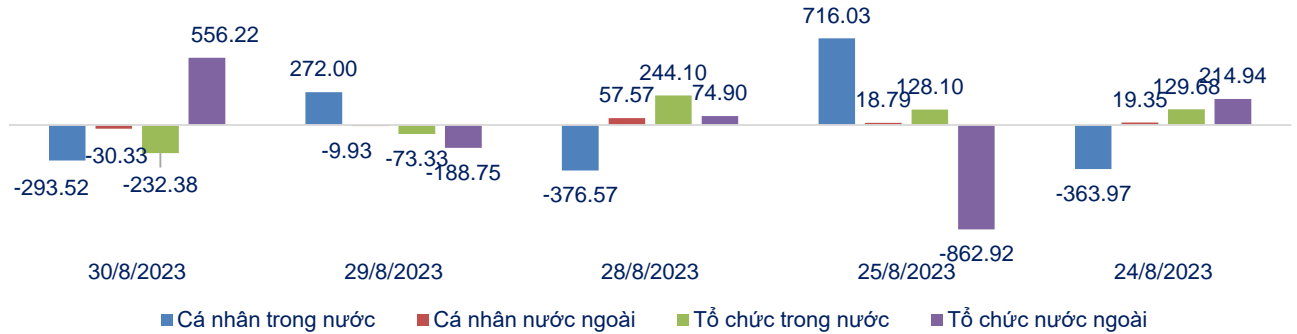
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.84	2.4%	261	103.4	2.5
VC2	3.76	3.8%	554	25.1	1.0
DDG	3.52	-24.7%	(3,032)	-	0.9
CMS	3.33	0.8%	102	117.6	0.9
SDA	3.28	-0.3%	(21)	-	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	117.65	-0.2%	(48)	-	0.9
SSI	39.86	7.3%	1,093	29.6	2.2
DCM	29.91	21.5%	4,286	7.1	1.5
VPB	29.57	11.1%	1,728	12.1	1.3
DPM	28.13	19.1%	6,403	5.6	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	-78.01	5.3%	1,487	43.5	2.1
MWG	-61.50	6.6%	1,069	49.5	3.3
KBC	-56.04	17.8%	4,373	7.6	1.3
GMD	-52.18	26.7%	7,569	7.5	1.7
VRE	-50.83	10.6%	1,588	18.4	1.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	3.00	5.3%	713	29.0	1.5
PDR	2.35	8.2%	1,118	21.5	1.9
VPB	0.89	11.1%	1,728	12.1	1.3
BCM	0.85	2.7%	473	150.7	4.1
DGW	0.65	20.5%	3,045	18.8	3.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-6.22	15.8%	3,664	8.5	1.3
MWG	-4.70	6.6%	1,069	49.5	3.3
DIG	-4.38	1.2%	152	182.0	2.1
TPB	-4.02	18.6%	2,686	7.1	1.4
VCG	-2.60	3.5%	655	41.7	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	38.64	18.6%	2,686	7.1	1.4
MSN	36.87	3.6%	920	87.0	3.0
VIC	17.84	4.0%	1,405	45.1	1.8
MWG	14.55	6.6%	1,069	49.5	3.3
HCM	11.91	7.2%	1,250	24.5	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-117.43	-0.2%	(48)	-	0.9
CTG	-50.51	15.8%	3,664	8.5	1.3
VCG	-35.63	3.5%	655	41.7	1.5
TCB	-24.05	15.3%	5,061	6.7	1.0
VIX	-18.09	7.0%	839	22.4	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	82.55	15.8%	3,664	8.5	1.3
KDC	77.99	5.3%	1,487	43.5	2.1
VRE	60.54	10.6%	1,588	18.4	1.9
GMD	60.39	26.7%	7,569	7.5	1.7
KBC	55.79	17.8%	4,373	7.6	1.3

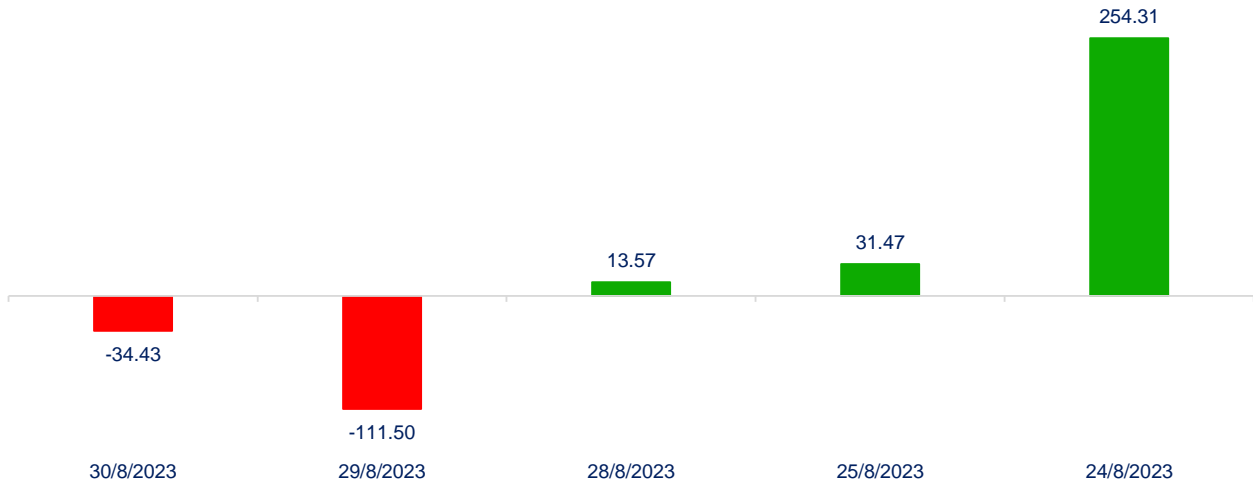
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-39.57	3.6%	920	87.0	3.0
DPM	-29.71	19.1%	6,403	5.6	1.1
SSI	-25.57	7.3%	1,093	29.6	2.2
VPB	-22.15	11.1%	1,728	12.1	1.3
DCM	-19.35	21.5%	4,286	7.1	1.5

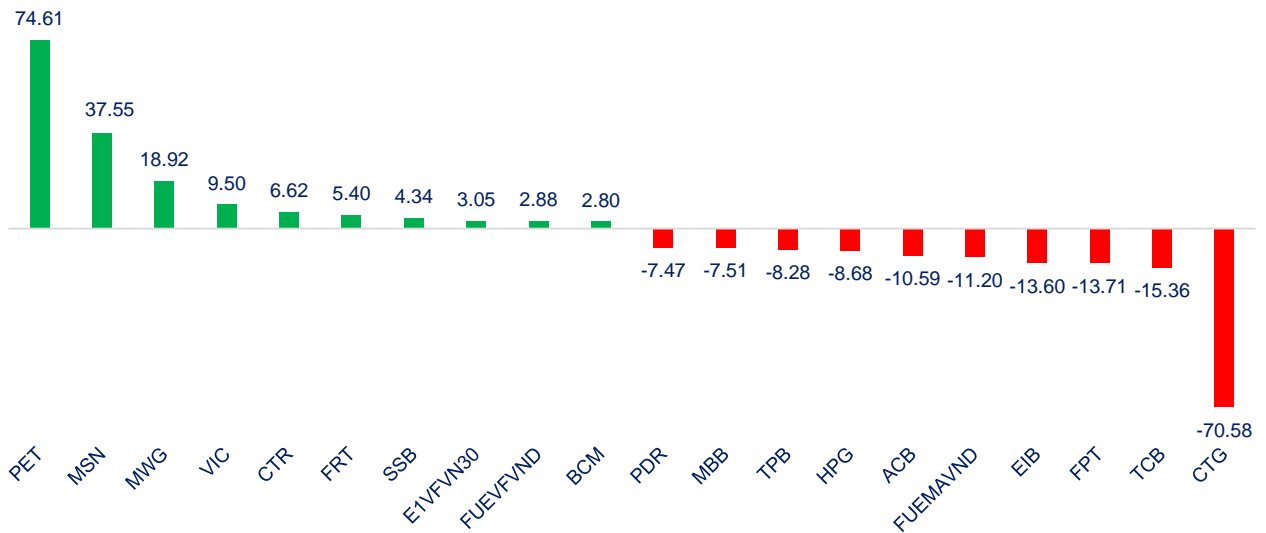


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn